

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được soát xét bởi

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**



## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5 - 6
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	7 - 57
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	7 - 10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	12 - 13
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	14-55
<i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	56-57

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được soát xét.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa tiền thân là Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 24/CP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành doanh nghiệp Việt Nam theo quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21/03/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 ngày 21 tháng 03 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 22 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập, bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi tên Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 số 2500217389 được Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 07 tháng 06 năm 2024 về việc thay đổi căn cước công dân người đại diện pháp luật.

*Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 22: 316.465.410.000 đồng*

### TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:

Địa chỉ : Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.

Điện thoại : 0211 873 568

Email : Info@nagakawa.com.vn

Mã số thuế : 2500217389

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 7 đến trang 57).

### SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Phó Chủ tịch
Bà Trương Đào Hải Hà	Ủy viên
Ông Phạm Anh Tuấn	Ủy viên
Ông Đoàn Đức Hòa	Ủy viên

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Các thành viên của Ban kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Huệ Anh	Thành viên
Bà Vũ Hải Yến	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Tổng Giám đốc
Bà Huy Thị Dung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Bá Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trịnh Thị Phương	Kế toán trưởng

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho năm tài

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ.

**CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Vĩnh Phúc, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thị Huyền Thương**

Số : 0107.01.03/2024/BCTC- NTV2

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa, được lập ngày 29 tháng 8 năm 2024 từ trang 07 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trụ Sở Chính:  
Tầng 2, tòa nhà Platinum Residences, số 6 Nguyễn Công Hoan,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

[T] (84-24) 3761 3399  
[W] www/vpaudit.vn

[F] (84-24) 3761 5599  
[E] vpa@ntv.vn

5

Chi nhánh tại Hà Nội:  
Số 12 Phố Mê Trì Hạ, P. Mê Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:  
98 Vũ Tông Phan, P. An Phú, Q. 2, TP. Hồ Chí Minh

338  
NG  
NH  
M T  
TÀI  
PH

0  
M  
A  
Đ  
K

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của đơn vị 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**  
**Phó Tổng Giám đốc**



---

**Nguyễn Thị Hạnh**

GCNĐKHNKT số: 1690-2023-124-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.765.032.239.426</b>	<b>1.412.998.560.904</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>101.430.094.563</b>	<b>46.548.089.328</b>
1. Tiền	111		41.430.094.563	16.548.089.328
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	30.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>280.328.240.843</b>	<b>198.663.624.959</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	280.328.240.843	198.663.624.959
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>662.033.335.559</b>	<b>419.056.123.819</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	628.664.727.515	384.435.061.207
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.393.326.019	13.547.258.566
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	20.096.000.000	20.600.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	9.557.103.738	5.151.625.759
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(4.677.821.713)	(4.677.821.713)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>711.157.307.301</b>	<b>737.231.226.953</b>
1. Hàng tồn kho	141		730.062.079.368	740.401.658.350
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(18.904.772.067)	(3.170.431.397)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.083.261.160</b>	<b>11.499.495.845</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	5.003.629.146	5.424.438.603
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.039.846.640	6.034.350.194
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	39.785.374	40.707.048
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>171.125.658.758</b>	<b>177.992.768.469</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.407.065.926</b>	<b>2.281.160.820</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	2.407.065.926	2.281.160.820
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>98.847.093.358</b>	<b>102.807.476.706</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	92.052.525.241	96.442.324.418
<i>Nguyên giá</i>	222		178.333.899.036	177.184.240.888
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(86.281.373.795)	(80.741.916.470)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	6.794.568.117	6.365.152.288
<i>Nguyên giá</i>	228		8.687.008.519	7.987.008.519
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.892.440.402)	(1.621.856.231)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>193.780.000</b>	<b>613.780.000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	193.780.000	613.780.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2b</b>	<b>37.536.707.965</b>	<b>35.904.790.933</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		17.536.707.965	15.904.790.933
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		20.000.000.000	20.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>32.141.011.509</b>	<b>36.385.560.010</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	6.830.808.916	9.352.031.088
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	3.768.078.396	3.855.294.027
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.14	21.542.124.197	23.178.234.895
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.936.157.898.184</b>	<b>1.590.991.329.373</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.510.004.861.143</b>	<b>1.189.350.082.750</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.508.703.269.265</b>	<b>1.187.854.744.156</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	438.770.106.640	136.596.419.806
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	28.161.864.170	37.362.995.977
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	31.769.529.039	18.472.544.763
4. Phải trả người lao động	314		5.103.208.198	4.676.334.939
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	4.818.403.168	3.284.778.959
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	3.721.451.613	2.610.642.825
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	988.543.581.275	980.284.289.358
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	6.406.937.633	3.661.552.972
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	1.408.187.529	905.184.557
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.301.591.878</b>	<b>1.495.338.594</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.23	1.301.591.878	1.495.338.594
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>426.153.037.041</b>	<b>401.641.246.623</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.24</b>	<b>426.153.037.041</b>	<b>401.641.246.623</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		316.465.410.000	316.465.410.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		316.465.410.000	316.465.410.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.348.010.000	5.348.010.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000)	(20.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.827.781.376	8.570.273.947
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		73.230.671.394	52.365.799.875
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		50.444.802.102	27.910.522.319
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.785.869.292	24.455.277.556
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		21.281.184.271	18.891.772.801
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.936.157.898.184</b>	<b>1.590.991.329.373</b>

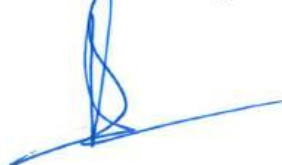
Lập, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu



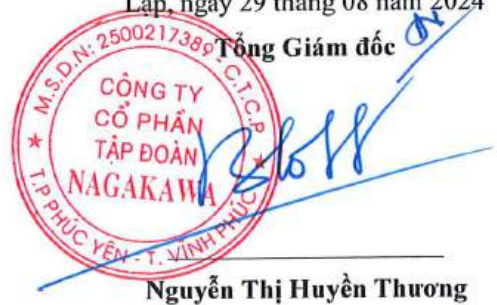
Trương Bình Dương

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Phương

Tổng Giám đốc



Handwritten signature of Nguyễn Thị Huyền Thương

Nguyễn Thị Huyền Thương

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	1.752.031.201.136	1.187.667.502.109
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.1	7.278.834.921	7.528.551.495
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.744.752.366.215	1.180.138.950.614
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.555.668.089.913	1.002.568.144.119
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		189.084.276.302	177.570.806.495
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.250.640.541	4.616.296.103
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	43.288.422.931	41.608.568.758
Trong đó: chi phí lãi vay	23		33.789.238.294	39.623.971.721
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.631.917.032	(2.114.887.322)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	104.464.959.883	93.123.673.207
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	23.647.306.185	22.470.428.899
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.566.144.876	22.869.544.412
12. Thu nhập khác	31	VI.7	348.532.743	3.268.615.404
13. Chi phí khác	32	VI.8	305.722.128	873.661.992
14. Lợi nhuận khác	40		42.810.615	2.394.953.412
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.608.955.491	25.264.497.824
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	5.600.693.186	6.957.327.038
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(106.531.085)	(1.118.916.040)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.114.793.390	19.426.086.826
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		22.625.381.920	18.134.984.202
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.489.411.470	1.291.102.624
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	701	562
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	701	562

Người lập biểu

Trương Bình Dương

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Phượng

Lập, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		29.608.955.491	25.264.497.824
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		5.810.041.496	4.572.228.235
- Các khoản dự phòng	03		18.479.725.331	(5.059.162.450)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(961.773.636)	478.743.461
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.439.714.015)	(3.525.770.031)
- Chi phí lãi vay	06		33.789.238.294	39.623.971.721
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		76.286.472.961	61.354.508.760
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(236.712.574.092)	(90.457.907.083)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.339.578.982	(11.094.358.950)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		313.169.907.260	99.589.535.103
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.942.031.629	(3.573.020.974)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(34.233.334.957)	(38.959.393.846)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.352.631.304)	(2.937.628.637)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(46.738.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>124.439.450.479</b>	<b>13.874.996.373</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.498.110.000)	(22.692.665.891)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.994.400.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(107.672.681.366)	(66.351.571.617)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.512.065.482	38.406.171.617
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.841.988.723	2.758.927.481
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(77.816.737.161)</b>	<b>(45.884.738.410)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.383.617.096.800	1.021.089.466.164
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.375.357.804.883)	(990.738.366.040)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(45.129.434)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>8.259.291.917</b>	<b>30.305.970.690</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>54.882.005.235</b>	<b>(1.703.771.347)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60 V.1</b>	<b>46.548.089.328</b>	<b>14.738.218.930</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>101.430.094.563</b>	<b>13.034.447.583</b>

Người lập biểu

Trương Bình Dương

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Phượng

Lập, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, thương mại

#### 3. **Khái quát về công ty**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa tiền thân là Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 24/CP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành doanh nghiệp Việt Nam theo quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21/03/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 ngày 21 tháng 03 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 22 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập, bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi tên Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 số 2500217389 được phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 07 tháng 06 năm 2024 về việc thay đổi căn cước công dân người đại diện pháp luật.

*Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 22: 316.465.410.000 đồng*

#### **TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:**

Địa chỉ : Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại : 0211 387 3568

E-mail : Info@nagakawa.com.vn

Mã số thuế : 2 5 0 0 2 1 7 3 8 9

#### 4. **Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty gồm:

- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất đồ điện dân dụng. Chi tiết: Sản xuất đồ điện dân dụng, điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất thiết bị điện khác. Chi tiết: Sản xuất và mua bán máy móc thiết bị điện, vật liệu điện./.

#### 5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công ty có 220 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 253 nhân viên).

**7. Cấu trúc doanh nghiệp:****Các Công ty con được hợp nhất:**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, lắp đặt hệ thống điều hòa cho các công trình	80%	80%
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	94 Nam Trân, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	52%	52%
Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh	25 Đoàn Thị Điểm, Phường 01, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	51%	51%
Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa	Tầng 3, Tòa nhà Gold Tower số 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	51%	51%
Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên	Thôn Vĩnh Bảo, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	96,92%	96,92%
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Nagakawa	Số nhà 56, ngõ 92, đường Cầu Brou, Tổ dân phố 15, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng, cung cấp các dịch vụ số.	55%	55%

**Các Công ty liên doanh liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ:**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Gia công may mặc	48%	48%

**Các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập:**

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>
Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội	Tầng 3, Tòa nhà Gold Tower số 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng

Hiện nay các Công ty con, Công ty liên doanh liên kết, Các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập đều đang hoạt động bình thường.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

8. **Tuyên bố về khả năng so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất:** Số liệu BCTC hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

## II. NĂM KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính. Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### **2. Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### **3. Tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### **4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá**

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024 cụ thể như sau:

Các khoản tiền gửi ngân hàng, ký quỹ ký cược, phải thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam là 25,170 VND/USD.

Các khoản nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam là 25,470 VND/USD.

#### **5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết***

###### ***Công ty con***

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó.

###### ***Công ty liên doanh***

Công ty liên doanh là công ty được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản dùng cho hoạt động sản xuất và các chi phí sản xuất chung liên quan đến hoạt động sản xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định khác	05

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

#### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

### 10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### ***Chi phí trả trước khác***

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### 14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

##### ***Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa***

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa từ 0,5% - 1% trên bằng trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### **15. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng như các qui định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### **18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

#### **19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

#### **20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### **21. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp.
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 22. Công cụ tài chính

### a) Tài sản tài chính

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### **b) Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

#### **c) Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### 23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	17.830.924.786	7.690.097.330
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.599.169.777	8.857.991.998
Các khoản tương đương tiền	60.000.000.000	30.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>101.430.094.563</b>	<b>46.548.089.328</b>

##### 2. Các khoản đầu tư tài chính

###### a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	280.328.240.843	280.328.240.843	198.663.624.959	198.663.624.959
<b>Cộng</b>	<b>280.328.240.843</b>	<b>280.328.240.843</b>	<b>198.663.624.959</b>	<b>198.663.624.959</b>

(\*) Là các sổ tiết kiệm có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm tại các ngân hàng:

+ Đại chúng TNHH Kasikornbank – Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh: 70.000.000.000 VND.

+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội: 22.500.000.000 VND.

+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An: 94.420.546.000 VND.

+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thăng Long- PGD Lê Trọng Tấn: 37.800.000.000 VND.

+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh Đồng Đa: 32.512.115.745 VND.

+ Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai: 22.095.579.098 VND.

+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - VIB Hai Bà Trưng: 1.000.000.000 VND.

Các khoản tiền gửi này đang được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng trên. (Xem thuyết minh V.20)

###### b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Giá trị	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Giá trị
<i>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</i>		17.536.707.965		15.904.790.933
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam (*)	48 %	17.536.707.965	48 %	15.904.790.933
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>		20.000.000.000		20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (**)		20.000.000.000		20.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>37.536.707.965</b>		<b>35.904.790.933</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(\*) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam với tỷ lệ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 48% tương đương với 12.000.000 cổ phần, giá trị 12.000.000.000 VND, đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2024, Công ty đã góp đủ 12.000.000.000 VND. Khoản đầu tư này được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Giá gốc khoản đầu tư	12.000.000.000
Tỷ lệ sở hữu	48%
Tăng giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	5.536.707.965
<b>Giá trị khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán</b>	<b><u>17.536.707.965</u></b>

(\*\*) Là khoản mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu số CTG2232T2/01-1269, ngày phát hành là 20/7/2023 đến ngày 20/07/2033. Số lượng trái phiếu là 200.000 với giá trị là 20.000.000.000 VND Số trái phiếu này đang được cầm cố cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Thành An.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b><u>1.498.363.989</u></b>	<b><u>145.361.586.949</u></b>
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	-	145.361.586.949
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam	1.498.363.989	-
<b>Phải thu các khách hàng khác (*)</b>	<b><u>627.166.363.526</u></b>	<b><u>239.073.474.258</u></b>
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	161.607.356.769	-
Công ty cổ phần Điện lạnh Ngọc Nguyên Châu	31.648.502.756	7.756.311.327
Chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long tại Hải Phòng	31.581.274.000	-
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	94.591.513.883	2.509.538.302
Các khách hàng khác	307.737.716.118	228.807.624.629
<b>Cộng</b>	<b><u>628.664.727.515</u></b>	<b><u>384.435.061.207</u></b>

(\*) Trong đó các khoản phải thu khách hàng được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01.

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho người bán khác (*)</b>	<b><u>8.393.326.019</u></b>	<b><u>13.547.258.566</u></b>
Công ty TNHH truyền thông ADT	1.359.684.144	-
Công ty CP Điện Gia Dụng Nagakawa	1.300.951.400	1.300.951.400
Công ty Cổ phần đầu tư Thành Đạt Nam Phi	1.676.675.000	-
Công ty TNHH Cơ điện lạnh HC Toàn Cầu	-	7.589.479.100
Các nhà cung cấp khác	4.056.015.475	4.656.828.066
<b>Cộng</b>	<b><u>8.393.326.019</u></b>	<b><u>13.547.258.566</u></b>

(\*) Trong đó các khoản trả trước được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>496.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam	496.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>19.600.000.000</b>	<b>20.600.000.000</b>
Bà Bùi Lệ Hằng	7.500.000.000	8.500.000.000
Ông Bùi Văn Tú	5.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản cho vay khác	7.100.000.000	7.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>20.096.000.000</b>	<b>20.600.000.000</b>

**6. Các khoản phải thu khác****a) Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>2.296.548</b>	-	-	-
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam	2.296.548	-	-	-
- Lãi cho vay	2.296.548	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>9.554.807.190</b>	-	<b>5.151.625.759</b>	-
Tạm ứng	144.126.199	-	341.625.930	-
Ký cược, ký quỹ	114.377.642	-	114.377.642	-
Phải thu lãi tiền gửi tiết kiệm ngân hàng, cho vay	8.656.928.949	-	4.693.417.237	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	639.374.400	-	2.204.950	-
<b>Cộng</b>	<b>9.557.103.738</b>	-	<b>5.151.625.759</b>	-

**b) Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	2.407.065.926	-	2.281.160.820	-
<b>Cộng</b>	<b>2.407.065.926</b>	-	<b>2.281.160.820</b>	-

**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong kỳ:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(4.677.821.713)	-	(4.677.821.713)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(4.677.821.713)</b>	-	<b>(4.677.821.713)</b>

Nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Phụ lục số 01.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****8. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng (*)	Giá trị	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	30.900.297.477	-	25.137.921.055	-
Nguyên liệu, vật liệu	192.871.248.291	-	180.928.998.033	-
Công cụ, dụng cụ	572.010.698	-	413.884.400	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	48.489.887	-	3.120.673.425	-
Thành phẩm	4.077.544.440	-	3.188.731.782	-
Hàng hóa	482.616.907.509	(18.904.772.067)	511.569.456.958	(3.170.431.397)
Hàng gửi đi bán	18.975.581.066	-	16.041.992.697	-
<b>Cộng</b>	<b>730.062.079.368</b>	<b>(18.904.772.067)</b>	<b>740.401.658.350</b>	<b>(3.170.431.397)</b>

(\*) Hàng tồn kho trích lập dự phòng trong kỳ là những mặt hàng ứ đọng lâu ngày, mẫu mã cũ không phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng và khó có khả năng tiêu thụ. Công ty tiếp tục thực hiện thanh lý, chia tách các bộ phận còn có thể sử dụng của những mặt hàng này và trích lập dự phòng bổ sung để phản ánh chính xác giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	(3.170.431.397)
Trích lập dự phòng bổ sung	(18.242.515.368)
Hoàn nhập dự phòng	2.508.174.698
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(18.904.772.067)</b>

**9. Chi phí trả trước****a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí CCDC xuất dùng	202.919.673	538.426.341
Chứng nhận sản phẩm hợp quy	55.276.869	68.928.566
Chi phí bảo hiểm tài sản	202.697.280	130.344.474
Biển hiệu quảng cáo, kệ và vách trưng bày sản phẩm	2.389.494.678	3.208.237.296
Chi phí bảo trì phần mềm	166.886.863	282.818.631
Chi phí thử nghiệm điện - điện tử	206.099.396	329.433.068
Chi phí quảng cáo	168.142.204	87.512.756
Chi phí trả trước khác	1.612.112.183	778.737.471
<b>Cộng</b>	<b>5.003.629.146</b>	<b>5.424.438.603</b>

**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	667.462.742	1.656.738.598
Chi phí trả trước tiền thuê đất	807.869.809	734.673.835
Chi phí làm biển quảng cáo	4.992.138.000	6.706.970.627
Chi phí cải tạo sửa chữa	124.610.698	104.901.171
Chi phí mua phần mềm	151.571.424	43.776.369
Chi phí trả trước khác	87.156.243	104.970.488
<b>Cộng</b>	<b>6.830.808.916</b>	<b>9.352.031.088</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thảng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	108.766.281.270	35.995.505.597	22.522.185.333	9.027.813.725	872.454.963	177.184.240.888
Số đầu năm	-	387.000.000	762.658.148	-	-	1.149.658.148
Mua trong kỳ						
Số cuối kỳ	<b>108.766.281.270</b>	<b>36.382.505.597</b>	<b>23.284.843.481</b>	<b>9.027.813.725</b>	<b>872.454.963</b>	<b>178.333.899.036</b>

**Trong đó**

Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng

6.717.274.967 28.752.666.444 8.101.052.877 456.123.780 554.263.076 44.581.381.144

**Giá trị hao mòn**

Số đầu năm	33.708.846.683	29.241.713.203	15.980.417.841	1.044.050.380	766.888.363	80.741.916.470
Khấu hao trong kỳ	3.389.956.782	411.594.736	1.252.917.209	450.887.208	34.101.390	5.539.457.325
Số cuối kỳ	<b>37.098.803.465</b>	<b>29.653.307.939</b>	<b>17.233.335.050</b>	<b>1.494.937.588</b>	<b>800.989.753</b>	<b>86.281.373.795</b>

**Giá trị còn lại**

Số đầu năm	75.057.434.587	6.753.792.394	6.541.767.492	7.983.763.345	105.566.600	96.442.324.418
Số cuối kỳ	<b>71.667.477.805</b>	<b>6.729.197.658</b>	<b>6.051.508.431</b>	<b>7.532.876.137</b>	<b>71.465.210</b>	<b>92.052.525.241</b>

+ Một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 70.292.398.839 VND và 15.824.436.517 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội bao gồm toàn bộ nhà xưởng phục vụ sản xuất điều hòa.

+ Tài sản cố định là xe Mercedes, BKS 30F-840.98 và xe ô tô Mercedes- Benz BKS 30F-798.91 có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.305.978.182 VND và 547.935.252 VND và Xe ô tô Mercedes, BKS 30G-381.66 có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.799.952.727 VND và 1.268.353.407 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An để đảm bảo cho khoản vay hạn mức của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa.

+ Tòa nhà văn phòng làm việc có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.506.097.039 VND và 2.439.659.165 VND đang được thế chấp tại ngân hàng TMCP Á Châu- chi nhánh Đà Nẵng để đảm bảo cho khoản vay hạn mức của Công ty cổ phần Nagakawa Đà Nẵng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****11. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	4.614.795.919	3.372.212.600	7.987.008.519
Tăng do mua sắm	-	700.000.000	700.000.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.614.795.919</b>	<b>4.072.212.600</b>	<b>8.687.008.519</b>
<i>Trong đó</i>			
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.353.212.600	1.353.212.600
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	1.621.856.231	1.621.856.231
Khấu hao trong kỳ	-	270.584.171	270.584.171
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>1.892.440.402</b>	<b>1.892.440.402</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	4.614.795.919	1.750.356.369	6.365.152.288
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.614.795.919</b>	<b>2.179.772.198</b>	<b>6.794.568.117</b>

Tài sản là quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 4.614.795.919 VND và 4.614.795.919 VND đang được thế chấp tại ngân hàng TMCP Á Châu- chi nhánh Đà Nẵng.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào Tài sản cố định</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	573.780.000	280.000.000	(700.000.000)	153.780.000
Chi phí làm phim quảng cáo, nhận diện thương hiệu	153.780.000	-	-	153.780.000
Phần mềm quản lý bảo hành	420.000.000	280.000.000	(700.000.000)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	40.000.000	-	-	40.000.000
Xây dựng biện pháp phòng chống hóa chất	40.000.000	-	-	40.000.000
<b>Cộng</b>	<b>613.780.000</b>	<b>280.000.000</b>	<b>(700.000.000)</b>	<b>193.780.000</b>

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong kỳ liên quan đến lãi nội bộ tập đoàn trong hàng tồn kho và bán tài sản cố định hữu hình chưa thực hiện, chi tiết:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	3.855.294.027
Phát sinh trong kỳ	3.752.812.040
Hoàn nhập trong kỳ	(3.840.027.671)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.768.078.396</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****14. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

	<b>Kỳ này</b>
Số đầu năm	23.178.234.895
Phân bổ lợi thế thương mại vào chi phí	(1.636.110.698)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>21.542.124.197</b>

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b><i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i></b>	<b>438.770.106.640</b>	<b>136.596.419.806</b>
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại thiết bị điện tử Minh Long	31.572.618.488	15.811.127.688
Công ty TNHH Kinh doanh và phát triển kỹ thuật Hà Nội	27.141.005.147	11.161.521.847
Công ty TNHH thương mại và tư vấn kỹ thuật - Cao	29.497.628.846	19.133.390.885
CJ Century Technology SDN.BHD	52.835.160.553	6.208.657.674
TCL Air Conditioner (Zhongshan) Co., LTD.	127.050.684.201	2.673.819.405
CJ Century Technology SDN.BHD	52.835.160.553	6.208.657.674
Công ty TNHH Cơ điện lạnh HC Toàn Cầu	25.710.436.585	-
Các nhà cung cấp khác	92.127.412.267	75.399.244.633
<b>Cộng</b>	<b>438.770.106.640</b>	<b>136.596.419.806</b>

**16. Người mua trả tiền trước**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b><i>Trả trước của các bên liên quan</i></b>	<b>-</b>	<b>1.038.468.411</b>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam	-	1.038.468.411
<b><i>Trả trước của các khách hàng khác</i></b>	<b>28.161.864.170</b>	<b>36.324.527.566</b>
Chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long tại Hải Phòng	-	17.820.546.000
Công ty Cổ phần xây dựng kỹ thuật SH Việt Nam	2.232.255.100	2.232.255.100
Công ty TNHH phát triển thương mại Hưng Thịnh	2.543.408.380	-
Công ty TNHH kinh doanh và phát triển kỹ thuật Hà Nội	3.652.711.080	-
Công ty TNHH Thương Mại và Tư vấn Kỹ thuật - Cao	-	4.547.941.194
Công ty Cổ phần đầu tư MK Việt Nam	2.300.000.000	-
Công ty TNHH SX và TM thiết bị điện tử Minh Long	5.783.320.771	1.954.320.771
Các khách hàng khác	11.650.168.839	9.769.464.501
<b>Cộng</b>	<b>28.161.864.170</b>	<b>37.362.995.977</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thảng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.452.150.622	-	15.321.971.221	(3.903.300.150)	16.870.821.693	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	85.190.858.254	(85.190.858.254)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.580.874.452	-	80.694.850.859	(76.527.794.691)	6.747.930.620	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.344.099	26.964.063.929	(26.963.142.255)	-	422.425
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.955.489.656	39.362.949	5.600.693.186	(7.352.631.304)	7.203.551.538	39.362.949
Thuế thu nhập cá nhân	1.052.970.479	-	831.616.616	(1.424.419.405)	460.167.690	-
Tiền thuế đất	-	-	432.537.881	(312.537.881)	120.000.000	-
Các loại thuế khác	431.059.554	-	125.466.338	(189.468.394)	367.057.498	-
<b>Cộng</b>	<b>18.472.544.763</b>	<b>40.707.048</b>	<b>215.162.058.284</b>	<b>(201.864.152.334)</b>	<b>31.769.529.039</b>	<b>39.785.374</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8%; 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	2.466.689.237	3.040.185.790
Trích trước chi phí chiết khấu hàng bán, chương trình khuyến mãi	2.326.628.145	225.219.010
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	25.085.786	19.374.159
<b>Cộng</b>	<b><u>4.818.403.168</u></b>	<b><u>3.284.778.959</u></b>

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b><i>930.574.447</i></b>	<b><i>382.931</i></b>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam - Phải trả về lãi vay	129.782.821	382.931
Thù lao ban kiểm soát công ty	160.158.325	-
Thù lao hội đồng quản trị công ty	640.633.301	-
<b><i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i></b>	<b><i>2.790.877.166</i></b>	<b><i>2.610.259.894</i></b>
Kinh phí công đoàn	805.581.500	641.827.260
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.875.577.268	1.875.577.268
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	109.718.398	92.855.366
<b>Cộng</b>	<b><u>3.721.451.613</u></b>	<b><u>2.610.642.825</u></b>

**20. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>
<b><i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i></b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b><i>6.002.000.000</i></b>	<b><i>6.002.000.000</i></b>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam	-	-	6.002.000.000	6.002.000.000
<b><i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i></b>	<b><i>988.543.581.275</i></b>	<b><i>988.543.581.275</i></b>	<b><i>974.282.289.358</i></b>	<b><i>974.282.289.358</i></b>
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An (1)	363.794.765.431	363.794.765.431	387.313.009.352	387.313.009.352
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ (2)	99.716.932.248	99.716.932.248	79.739.506.428	79.739.506.428
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (3)	275.250.861.624	275.250.861.624	382.088.494.422	382.088.494.422
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	-	-	17.656.192.000	17.656.192.000
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (4)	32.415.181.470	32.415.181.470	33.745.501.839	33.745.501.839
Đại chúng TNHH Kasikornbank - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh (5)	130.517.900.300	130.517.900.300	-	-
Ngân Hàng TMCP Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh Đống Đa (6)	79.847.940.202	79.847.940.202	49.869.597.933	49.869.597.933
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng (7)	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội	-	-	14.290.287.384	14.290.287.384
Vay ngắn hạn các cá nhân				
Bà Bùi Lệ Hằng	-	-	2.579.700.000	2.579.700.000
<b>Cộng</b>	<b><u>988.543.581.275</u></b>	<b><u>988.543.581.275</u></b>	<b><u>980.284.289.358</u></b>	<b><u>980.284.289.358</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo hợp đồng cho vay hạn mức số 0103/2024-HĐCVHM/NHCT320-NAG ngày 08 tháng 03 năm 2024 với tổng mức cấp dư nợ vay và số dư bảo lãnh, L/C đã phát hành tại mọi thời điểm không vượt quá 400.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 07 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 10111071095, Hồ sơ gốc số 6586 2003 2640. 203. QĐUB do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 14/05/2002 cho bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo HĐCC số 02/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 03/12/2019.

+ Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 106 ngõ 155/206 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt Quận Thanh Xuân, Hà Nội ( nay là số 86 ngõ 274 phố Nguyễn Lân, phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 10111071019, Hồ sơ gốc số 3015-2003-QĐUB/8623.2003 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 2/6/2003 cho ông Lưu Văn Thất và Bà La Thị Nga. Ngày 21/11/2012, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội xác nhận chuyển nhượng cho bà Đào Thị Soi theo hợp đồng chuyển nhượng số 10121293/ HHĐCN ngày 29/10/2012 tại Phòng công chứng Mỹ Đình, TP Hà Nội theo hợp đồng thế chấp số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 02/11/2020.

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 16 tại địa chỉ Phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD537451 số GCN: 01674-2144 QĐ-UB do Ủy ban nhân dân Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội cấp ngày 21/12/2005 cho ông Đỗ Quách Cương. Ngày 17/4/2015 văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Hoàng Mai xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đức Khả và bà Đào Thị Soi theo hồ sơ số 1181 ngày 14/4/2015 theo hợp đồng thế chấp số số 02/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 02/11/2020.

+ Trái phiếu ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành, mã trái phiếu: CTG2232T2/01 với tổng giá trị Trái phiếu 20.000.000.000 VND theo Hợp đồng cầm cố trái phiếu số: 2007/2023/HĐBĐ/NHCT320-TP-NAGAKAWA lập ngày 20 tháng 07 năm 2023.

+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 02/2021/HĐBĐ/NHCT/320-NAG ngày 25 tháng 02 năm 2021.

+ Máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam theo hợp đồng thế chấp động sản số 2804/2021/HĐBĐ/NHCT320-MAYMOCKLV ngày 28 tháng 04 năm 2021.

+ Xe ô tô Mercedes, BKS 30G-381.66, thuộc chủ sở hữu Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0309/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAGAKAWA ký ngày 19 tháng 10 năm 2020.

+ Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa có giá trị 60.000.000.000 VND theo biên bản định giá tài sản bảo đảm ngày 30/01/2018 và hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2018/HĐTC/NHCT320-NAG-HTK ký ngày 06/02/2018. Theo văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HTK ngày 21/01/2020, các bên thống nhất định giá giá trị của tài sản thế chấp là 101.508.541.889 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DE 216785, sổ vào sổ cấp GCN: CS 31027 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 11/06/2022 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2022/HĐBĐ/NHCT320-CANHOR1 ký ngày 6/7/2022. Giá trị tài sản thế chấp là 8.815.000.000 VND.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ số 5, ngách 105 ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Hà Nội theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 3835/2009/QĐ-08 do UBND quận Đống Đa cấp ngày 10/11/2009; chủ sở hữu: Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với tổng giá trị 94.420.546.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 198467.24.051.879737.TD ngày 01 tháng 04 năm 2024 với giá trị hạn mức tín dụng là 150 tỷ; hạn mức cho vay 100 tỷ, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán 50 tỷ, hạn mức phát hành L/C: 50 tỷ. Giới hạn giá trị cấp tín dụng đối với: Tổng giới hạn các hạn mức là 100 tỷ; hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán đối với lĩnh vực nhập linh kiện/thiết bị phục vụ việc lắp ráp tối đa 30 tỷ. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 15 tháng 03 năm 2025 kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh các mặt hàng điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị bếp của khách hàng. Lãi suất, ngày điều chỉnh lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất theo văn bản nhận nợ của Ngân hàng. Tài sản đảm bảo bao gồm:

+ Bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 272273 do UBND Quận Hoàng Mai cấp ngày 18/09/2007 cho bà Đào Thị Soi.

+ Quyền đòi nợ hình thành từ các Đề nghị thanh toán, Biên bản xác nhận đối chiếu công nợ; Hóa đơn GTGT cụ thể theo Hợp đồng thế chấp số 126540.23.051.879737.BD ngày 07/04/2023.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thăng Long- PGD Lê Trọng Tấn với tổng giá trị 37.800.000.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(3) Là khoản vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2023/367653/HĐTD ngày 22 tháng 09 năm 2023, tổng hạn mức tín dụng tại mọi thời điểm không vượt quá 400 tỷ đồng, hạn mức đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn theo hợp đồng 01/2022/367653/HĐTD ngày 30 tháng 08 năm 2022, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong mỗi khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả hết vào ngày kết thúc thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Bất động sản số HD03-16, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside 2, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT274326, sổ vào sổ cấp GCN: CT-DA 00886 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 30/08/2019, thuộc sở của Công ty TNHH Phát triển Kinh tế quốc tế Anh Vũ là Cổ đông góp vốn (theo hợp đồng thế chấp số 02/2019//367653/HĐBĐ ngày 18/09/2019).

+ Toàn bộ nhà xưởng trên đất tại thửa đất số 340, tờ bản đồ số 26, phường Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc thuộc sở hữu của Công ty theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2019/367653/HĐBĐ ngày 18/11/2019.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

+ Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Khả theo Hợp đồng cầm cố số 02/2020/367653/HĐBĐ ngày 30/06/2020.

+ Thế chấp toàn bộ nhà xưởng tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 10, Xã Vĩnh Khúc, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01/2021/367653/HĐBĐ ngày 26/05/2021.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với tổng giá trị 20.000.000.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(4) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng số 01/2023/CTD/VCBHN-NGKW ngày 12 tháng 10 năm 2023 với giới hạn cấp tín dụng không vượt quá 54.500.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 07 tháng. Mục đích vay tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn, hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Xe Toyota Corolla Cross 1.8G, biển kiểm soát 30H-181.23, số khung MR2KUAAG0M0018740, số máy 2ZRY752002 thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa theo hợp đồng thế chấp số 01/2021/HDTCPGT/VCBHN-NGKW.

+ Thế chấp hàng hóa và các khoản phải thu có giá trị thế chấp là 20.000.000.000 VND theo hợp đồng số 01/2021/HĐTCHHKPT/NGKW ngày 13 tháng 07 năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- chi nhánh Hà Nội.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi Nhánh Hoàng Mai với tổng giá trị 17.642.523.802 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(5) Là khoản vay Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank- Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 143/2023/FA.01 ngày 27 tháng 12 năm 2023 với giới hạn cấp tín dụng không vượt quá 200.000.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 03 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh điều hòa, linh kiện điều hòa, thiết bị nhà bếp, thiết bị gia dụng. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank- Chi nhánh Hồ Chí Minh với tổng giá trị 70 000 000 000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(6) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt – Chi nhánh Đồng Đa Việt Nam theo hợp đồng số 7256129.24 ngày 07 tháng 03 năm 2024 với giới hạn cấp tín dụng không vượt quá 80.000.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 07 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh điều hòa, linh kiện điều hòa, thiết bị nhà bếp, thiết bị gia dụng. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Thế chấp các khoản phải thu đã hình thành từ Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Kinh tế Quốc tế Anh Vũ giá trị 46 tỷ đồng.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh Đồng Đa với tổng giá trị 32.512.115.745 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(7) Là khoản vay ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Đà Nẵng theo hợp đồng cấp tín dụng số



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

DAN.DN.3774.080523 ngày 15 tháng 05 năm 2023. Hạn mức tín dụng 7.000.000.000 VND. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất được quy định cụ thể theo từng văn bản nhận nợ, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký. Khoản vay được đảm bảo bởi:  
+ Bất động sản tại: Thửa 125, TĐĐ 101, Khu đất công trình công cộng thuộc Khu dân cư Trung Nghĩa, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng trị giá 8.199.200.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	971.702.589.358	1.377.407.096.800	(1.360.566.104.883)	988.543.581.275
Vay ngắn hạn bên liên quan	6.002.000.000	5.000.000.000	(11.002.000.000)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	2.579.700.000	1.210.000.000	(3.789.700.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>980.284.289.358</b>	<b>1.383.617.096.800</b>	<b>(1.375.357.804.883)</b>	<b>988.543.581.275</b>

**21. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập trong kỳ</u>	<u>Số sử dụng trong kỳ</u>	<u>Số hoàn nhập trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	3.661.552.972	5.648.046.044	(1.575.614.314)	(1.327.047.069)	6.406.937.633
<b>Cộng</b>	<b>3.661.552.972</b>	<b>5.648.046.044</b>	<b>(1.575.614.314)</b>	<b>(1.327.047.069)</b>	<b>6.406.937.633</b>

**22. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	666.514.771	251.501.486	-	918.016.257
Quỹ phúc lợi	238.669.786	251.501.486	-	490.171.272
<b>Cộng</b>	<b>905.184.557</b>	<b>503.002.972</b>	<b>-</b>	<b>1.408.187.529</b>

**23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải phát sinh trong kỳ liên quan đến các khoản dự phòng/hoàn nhập tổn thất đầu tư, chi tiết:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	1.495.338.594
Phát sinh trong kỳ	17.521.488
Hoàn nhập trong kỳ	(211.268.204)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.301.591.878</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tô dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thảng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**24. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	316.465.410.000	5.348.010.000	(20.000)	7.113.479.352	45.741.564.871	19.119.327.544	393.787.771.767
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(15.823.269.500)	(902.588.662)	(16.725.858.162)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	24.455.277.556	694.871.033	25.150.148.589
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.456.794.595	(2.007.773.052)	(19.837.114)	(570.815.571)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>316.465.410.000</b>	<b>5.348.010.000</b>	<b>(20.000)</b>	<b>8.570.273.947</b>	<b>52.365.799.875</b>	<b>18.891.772.801</b>	<b>401.641.246.623</b>
Số dư đầu năm nay	316.465.410.000	5.348.010.000	(20.000)	8.570.273.947	52.365.799.875	18.891.772.801	401.641.246.623
Tăng vốn ở công ty con	-	-	-	-	-	900.000.000	900.000.000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	22.625.381.920	1.489.411.470	24.114.793.390
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.257.507.429	(1.760.510.401)	-	(503.002.972)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>316.465.410.000</b>	<b>5.348.010.000</b>	<b>(20.000)</b>	<b>9.827.781.376</b>	<b>73.230.671.394</b>	<b>21.281.184.271</b>	<b>426.153.037.041</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****b) Phân phối lợi nhuận**

Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-NAG ngày 26 tháng 04 năm 2024 như sau:

	VND
• Chia cổ tức bằng tiền 8% vốn điều lệ	: 25.317.232.800
• Quỹ đầu tư phát triển 5% LNST	: 1.257.507.429
• Quỹ khen thưởng phúc lợi 2% LNST	: 503.002.972

**c) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ nắm giữ	Giá trị	Tỷ lệ nắm giữ
Ông Nguyễn Đức Khả	119.438.540.000	37,74%	119.438.540.000	37,74%
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	-	0,00%	32.167.960.000	10,16%
Cổ phiếu quỹ	20.000	0,00%	20.000	0,00%
Các cổ đông khác	197.026.850.000	62,26%	164.858.890.000	52,10%
<b>Cộng</b>	<b>316.465.410.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>316.465.410.000</b>	<b>100,00%</b>

**d) Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.646.541	31.646.541
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.646.541	31.646.541
- Cổ phiếu phổ thông	31.646.541	31.646.541
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2)	(2)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.646.539	31.646.539
- Cổ phiếu phổ thông	31.646.539	31.646.539

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

**25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ**  
**a, Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	390,24	390,24

**b, Nợ khó đòi đã xử lý**

Đối tượng	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Tòa soạn báo Tiền Phong	47.723.000	47.723.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Thuận An	525.607.000	525.607.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Doanh nghiệp tư nhân Phú Tài	283.250.000	283.250.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Cửa hàng Nhật Anh	125.087.382	125.087.382	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Zhe Jiang Phidas Electric Appliance Manu	104.612.027	104.612.027	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Trảng An	30.000.000	30.000.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<b>1.116.279.409</b>	<b>1.116.279.409</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****a, Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.752.031.201.136	1.187.667.502.109
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.745.212.693.135	1.178.320.847.778
Doanh thu hợp đồng lắp đặt điều hòa	-	5.913.158.841
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.818.508.001	3.433.495.490
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(7.278.834.921)	(7.528.551.495)
Chiết khấu thương mại	(4.807.275.821)	(1.137.720.307)
Hàng bán bị trả lại	(2.471.559.100)	(6.390.831.188)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.744.752.366.215</b>	<b>1.180.138.950.614</b>
Trong đó:		
Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	1.737.933.858.214	1.170.792.296.283
Doanh thu hợp đồng lắp đặt điều hòa	-	5.913.158.841
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	6.818.508.001	3.433.495.490

**b, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	173.128.680.590	386.102.265.945
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	4.690.611.270	3.398.298.181
<b>Cộng</b>	<b>177.819.291.860</b>	<b>389.500.564.126</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	1.537.281.325.641	1.002.678.918.244
Giá vốn hợp đồng lắp đặt điều hòa	-	3.652.077.755
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.652.423.602	659.992.937
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	15.734.340.670	(4.422.844.817)
<b>Cộng</b>	<b>1.555.668.089.913</b>	<b>1.002.568.144.119</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	8.013.824.381	2.944.257.335
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	793.972.602	557.876.712
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	481.069.922	1.114.162.056
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	961.773.636	-
<b>Cộng</b>	<b>10.250.640.541</b>	<b>4.616.296.103</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	33.789.238.294	39.623.971.721
Chiết khấu thanh toán cho người mua	6.920.199.972	1.397.065.368
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.578.984.665	108.788.208
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	478.743.461
<b>Cộng</b>	<b>43.288.422.931</b>	<b>41.608.568.758</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	16.862.040.490	18.271.703.846
Chi phí vật liệu, bao bì	21.000.000	62.033.771
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	688.028.154	975.937.430
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.663.010.540	1.599.052.579
Chi phí chi trả các trạm bảo hành	2.230.881.024	420.764.685
Trích lập dự phòng bảo hành	5.648.046.044	3.632.637.758
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	(1.327.047.069)	(2.600.824.943)
Chi phí quảng cáo, hội nghị khách hàng	3.036.362.500	7.700.613.875
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.532.846.090	57.275.541.712
Các chi phí khác	6.109.792.110	5.786.212.494
<b>Cộng</b>	<b>104.464.959.883</b>	<b>93.123.673.207</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	12.225.952.460	14.080.381.767
Chi phí vật liệu quản lý	106.660.586	137.797.453
Chi phí đồ dùng văn phòng	324.796.108	396.709.589
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.467.183.547	732.444.441
Thuế, phí và lệ phí	24.600.000	16.000.000
Lợi thế thương mại	1.636.110.698	1.636.110.698
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.887.462.409	2.353.191.764
Dự phòng/hoàn nhập phải thu khó đòi	-	(73.699.040)
Các chi phí khác	2.974.540.377	3.191.492.227
<b>Cộng</b>	<b>23.647.306.185</b>	<b>22.470.428.899</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****7. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	1.813.090.909
NCC hỗ trợ phát triển thị trường	-	1.257.941.550
Tiền bồi thường bảo hiểm, phạt vi phạm hợp đồng	157.927.255	171.919.808
Thu nhập khác	190.605.488	25.663.137
<b>Cộng</b>	<b>348.532.743</b>	<b>3.268.615.404</b>

**8. Chi phí khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí không hợp lệ khi tính thuế	114.682.368	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	173.702.977	610.610.523
Chi phí khác	17.336.783	263.051.469
<b>Cộng</b>	<b>305.722.128</b>	<b>873.661.992</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.608.955.491	25.264.497.824
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	3.520.937.828	13.810.483.720
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.620.199.438	13.810.483.720
<i>Xe ô tô nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng</i>	192.160.909	192.160.909
<i>Chi phí không được loại trừ khác</i>	48.224.929	-
<i>Lỗ do công ty con quyết toán riêng</i>	2.259.999.925	3.352.134.079
<i>Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành</i>	310.000.000	310.000.000
<i>Các khoản phạt truy thu thuế</i>	173.702.977	610.610.523
<i>Lợi thế thương mại</i>	1.636.110.698	1.636.110.698
<i>Lỗ phát sinh trong quá trình hợp nhất</i>	-	7.709.467.511
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.099.261.610)	-
<i>Lãi phát sinh trong quá trình hợp nhất</i>	(1.099.261.610)	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>33.129.893.319</b>	<b>39.074.981.544</b>
Lỗi các năm trước được chuyển	(5.754.944.470)	(4.351.418.495)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>27.374.948.849</b>	<b>34.723.563.049</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>5.474.989.770</b>	<b>6.944.712.610</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	125.703.416	12.614.428
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.600.693.186</b>	<b>6.957.327.038</b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty đang được công ty tạm tính chưa loại trừ lãi vay Theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

giao dịch liên kết. Công ty sẽ tính và ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với chi phí lãi vay bị loại trừ khi quyết toán thuế năm tài chính 2024.

**10. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(3.752.961.589)	(3.396.644.056)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.840.177.220	2.146.939.057
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(193.746.716)	130.788.959
<b>Cộng</b>	<b>(106.531.085)</b>	<b>(1.118.916.040)</b>

**11. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	22.625.381.920	18.134.984.202
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(452.507.638)	(362.699.684)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	22.172.874.282	17.772.284.518
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	31.646.539	31.646.539
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>701</b>	<b>562</b>

(\*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ này được ước tính theo 2% lợi nhuận sau thuế.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	31.646.539	31.646.539
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>31.646.539</b>	<b>31.646.539</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

**12. Chi phí theo yếu tố**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ đồ dùng	819.299.221	1.009.978.651
Chi phí nhân công	40.340.002.523	45.581.236.786
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.810.041.496	4.572.228.235
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.117.337.349	91.629.172.320
Chi phí trạm bảo hành	12.778.870.622	2.318.496.592
Lợi thế thương mại	1.636.110.698	1.636.110.698
Chi phí dự phòng	-	(73.699.040)
Chi phí bằng tiền khác	13.439.397.898	12.303.492.851
<b>Cộng</b>	<b><u>182.941.059.807</u></b>	<b><u>158.977.017.093</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****Giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi nhập gốc	-	764.512.569

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

***A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt***

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Trong kỳ đơn vị không phát sinh giao dịch với bên liên quan là các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan không còn số dư.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng		
<i>Bà Nguyễn Thị Huyền Thương</i>	363.074.802	388.556.000
<i>Bà Huy Thị Dung</i>	279.027.953	289.356.000
<i>Ông Trần Bá Đạt</i>	308.638.124	274.797.560
<i>Bà Nguyễn Thị Bích Thủy</i>	265.338.637	371.676.000
<i>Bà Trịnh Thị Phượng</i>	215.463.000	210.576.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.431.542.516</u></b>	<b><u>1.534.961.560</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ (*)	Cổ đông lớn.
Công ty Cổ phần may KLW	Công ty liên kết

(\*) Từ thời điểm ngày 04/04/2024 Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ đã thoái hết vốn tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa và không còn là bên liên quan.

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ</b>		
Phải thu tiền bán hàng	190.441.548.649	423.979.027.340
+ Giá trị chưa thuế	173.128.680.590	385.435.479.400
+ Thuế GTGT đầu ra	17.312.868.059	38.543.547.940
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	220.272.000.000	464.885.658.930
Bù trừ công nợ	-	8.684.340.370
<b>Công ty Cổ phần may KLW</b>		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	142.592.399	14.048.000
+ Giá trị chưa thuế	129.629.454	12.770.909
+ Thuế GTGT đầu ra	12.962.945	1.277.091
Phải thu tiền cho thuê kho	5.015.880.001	3.724.080.000
+ Giá trị chưa thuế	4.560.981.816	3.385.527.272
+ Thuế GTGT đầu ra	454.898.185	338.552.728
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	129.600.000	-
+ Giá trị chưa thuế	120.000.000	-
+ Thuế GTGT đầu vào	9.600.000	-
Hàng bán trả lại	-	7.960.000
+ Giá trị chưa thuế	-	7.236.364
+ Thuế GTGT đầu ra	-	723.636
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.492.040.000	5.552.264.727
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả	129.600.000	-
Chi tiền cho vay ngắn hạn	496.000.000	-
Lãi vay phải thu	2.296.548	-
Phải trả về tiền vay ngắn hạn	5.000.000.000	7.700.000.000
Trả tiền vay ngắn hạn	11.002.000.000	19.000.000.000
Lãi vay phải trả	129.399.890	429.391.480
Trả tiền lãi vay bằng tiền	-	997.626.751

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3; V.4; V.5; V.15; V.16; V.19; V.20.

*Cam kết bảo lãnh*

Ngoài ra, các bên liên quan khác của công ty đang dùng tài sản để thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng như sau: (Xem chi tiết tại thuyết minh V.20)

<b>Tài sản</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Đối tượng sở hữu</b>
Giấy chứng nhận QSDĐ số V930401, vào sổ cấp GCN QSDĐ số 01510/QSDĐ/449B/2003/QĐ-UB do UBND huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26/06/2003. HĐTC TS số 50/2018/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HUNGYEN ngày 18/06/2018	2.313.000.000	Bà Nguyễn Thị Huyền Thương
Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 10111071095, Hồ sơ gốc số 6586 2003 2640. 203. QĐUB do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 14/05/2002 cho bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo HĐCC số 02/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 03/12/2019	6.203.773.000	Bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả
Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10111071019, hồ sơ gốc số 3015-2003-QĐUB/8623.2003 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 02/06/2003, CSH: bà Đào Thị Soi, địa chỉ: 106 ngõ 155/206 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (nay là: Số 86 ngõ 274 phố Nguyễn Lân, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội) Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 02/11/2020	7.255.000.000	Bà Đào Thị Soi
Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất số AD537451, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 01674-2144/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân quận Hoàng Mai cấp ngày 21/12/2005, CSH: Ông Nguyễn Đức Khả và Bà Đào Thị Soi, địa chỉ: Thửa đất số 99, tờ bản đồ số 16, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội (388 Kim Giang) Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 02/11/2020	11.700.000.000	Bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả
Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất số DE 216785, sổ vào sổ cấp GCN: CS 31027 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/06/2022 mang tên Ông Nguyễn Mạnh Cường và Bà Nguyễn Thị Huyền Thương, Căn hộ chung cư số 329, Nhà R1- 72A Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	8.815.000.000	Ông Nguyễn Mạnh Cường và Bà Nguyễn Thị Huyền Thương
Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất số CV459142, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CS28044 do Sở TN và MT TP Hà Nội cấp ngày 13/07/2020 CSH: Trịnh Thị Phượng, Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 7, Khu Trung cư và thương mại dịch vụ hồ hợp Capitaland- Hoàng Thành CT08 khu Cổ	4.173.000.000	Bà Trịnh Thị Phượng

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

<b>Tài sản</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Đối tượng sở hữu</b>
Ngựa- Khu đô thị mới Mỗ Lao, Quận Hà Đông,		
Bất động sản số HD03-16, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside 2, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT274326, số vào sổ cấp GCN: CT-DA 00886 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 30/08/2019, thuộc sở của Công ty TNHH Phát triển Kinh tế quốc tế Anh Vũ là Cổ đông góp vốn (theo hợp đồng thế chấp số 02/2019//367653/HĐBĐ ngày 18/09/2019).	72.494.000.000	Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ
Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Khả theo Hợp đồng cầm cổ số 02/2020/367653/HĐBĐ ngày 30/06/2020.	20.254.000.000	Ông Nguyễn Đức Khả
Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ số 5, ngách 105 ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Hà Nội theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 3835/2009/QĐ-08 do UBND quận Đống Đa cấp ngày 10/11/2009; chủ sở hữu: Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo hợp đồng thế chấp số 01/2020/367653/HĐBĐ.	3.812.000.000	Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương
Thế chấp các khoản phải thu đã hình thành từ công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh vũ	25.000.000.000	Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh vũ
Các máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần may KLW Việt Nam	12.251.190.886	Công ty Cổ phần may KLW Việt Nam

**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

***Khu vực địa lý***

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc, khu vực Miền Trung và khu vực Miền Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thảng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Khu vực Miền Bắc		Khu vực Miền Trung		Khu vực Miền Nam		Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Kỳ này</b>								
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.160.265.231.700	75.824.290.967	508.662.843.548	-	-	-	-	1.744.752.366.215
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.200.078.702.843	1.355.310.168	11.813.461.909	(1.213.247.474.920)	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.360.343.934.543</b>	<b>77.179.601.135</b>	<b>520.476.305.457</b>	<b>(1.213.247.474.920)</b>				<b>1.744.752.366.215</b>
Chi phí bộ phận	(2.232.971.124.992)	(69.351.091.041)	(468.245.428.537)	1.214.899.554.657	(1.555.668.089.913)			
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	127.372.809.551	7.828.510.094	52.230.876.920	1.652.079.737	189.084.276.302			
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(128.112.266.068)			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					60.972.010.234			
Doanh thu hoạt động tài chính					10.250.640.541			
Chi phí tài chính					(43.288.422.931)			
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết					1.631.917.032			
Thu nhập khác					348.532.743			
Chi phí khác					(305.722.128)			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(5.600.693.186)			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					106.531.085			
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>24.114.793.390</b>			
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>946.904.817</b>	<b>12.718.182</b>	<b>229.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>			<b>1.188.622.999</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>7.747.097.952</b>	<b>152.632.015</b>	<b>238.529.104</b>	<b>(48.030.552)</b>	<b>8.090.228.519</b>			

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thảng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực Miền Bắc		Khu vực Miền Trung		Khu vực Miền Nam		Các khoản loại trừ	Cộng
	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Trung	Miền Nam	Miền Nam	Miền Nam		
<b>Số cuối kỳ</b>								
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.447.727.480.333	40.455.124.100	190.667.738.071	(742.692.444.320)	1.936.157.898.184		<u>1.936.157.898.184</u>	
<b>Tổng tài sản</b>	1.871.101.052.555	38.288.493.232	196.041.489.663	(595.426.174.307)	1.510.004.861.143		<u>1.510.004.861.143</u>	
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận								
<b>Tổng nợ phải trả</b>	2.017.529.833.094	30.624.847.060	83.218.188.029	(540.381.538.810)	1.590.991.329.373		<u>1.590.991.329.373</u>	
<b>Số đầu năm</b>								
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.461.995.610.850	30.489.641.231	90.971.986.874	(394.107.156.205)	1.189.350.082.750		<u>1.189.350.082.750</u>	
<b>Tổng nợ phải trả</b>								

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

##### A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

##### B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của

Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	988.543.581.275	-	-	988.543.581.275
Phải trả người bán	438.770.106.640	-	-	438.770.106.640
Các khoản phải trả khác	20.050.000.612	-	-	20.050.000.612
<b>Cộng</b>	<b>1.447.363.688.527</b>	-	-	<b>1.447.363.688.527</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	980.284.289.358	-	-	980.284.289.358
Phải trả người bán	136.596.419.806	-	-	136.596.419.806
Các khoản phải trả khác	14.233.309.695	-	-	14.233.309.695
<b>Cộng</b>	<b>1.131.114.018.859</b>	-	-	<b>1.131.114.018.859</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

#### 4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	101.430.094.563	46.548.089.328	101.430.094.563	46.548.089.328
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	300.328.240.843	218.663.624.959	300.328.240.843	218.663.624.959
Phải thu khách hàng	626.644.958.297	382.415.291.989	626.644.958.297	382.415.291.989
Các khoản cho vay	20.096.000.000	20.600.000.000	20.096.000.000	20.600.000.000
Các khoản phải thu khác	11.964.169.664	7.432.786.579	11.964.169.664	7.432.786.579
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	17.536.707.965	15.904.790.933	17.536.707.965	15.904.790.933
<b>Cộng</b>	<b>1.078.000.171.332</b>	<b>691.564.583.788</b>	<b>1.078.000.171.332</b>	<b>691.564.583.788</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	988.543.581.275	980.284.289.358	988.543.581.275	980.284.289.358
Phải trả người bán	438.770.106.640	136.596.419.806	438.770.106.640	136.596.419.806
Các khoản phải trả khác	20.050.000.612	14.233.309.695	20.050.000.612	14.233.309.695
<b>Cộng</b>	<b>1.447.363.688.527</b>	<b>1.131.114.018.859</b>	<b>1.447.363.688.527</b>	<b>1.131.114.018.859</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

#### 5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt. Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 29 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Trương Bình Dương

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Phương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thương 1, Phường Phúc Thảng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>2.199.403.158</b>	<b>2.019.769.218</b>	<b>2.199.403.158</b>	<b>2.019.769.218</b>
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Khó có khả năng thu hồi	86.925.000	Khó có khả năng thu hồi	86.925.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Số 4	Khó có khả năng thu hồi	355.675.942	Khó có khả năng thu hồi	355.675.942
Hệ Kinh Doanh Điện Máy Thiên Đức	Trên 3 năm	235.294.153	Trên 3 năm	235.294.153
Công ty TNHH Điện cơ Điện lạnh Tường Hùng	Trên 3 năm	444.688.013	Trên 3 năm	444.688.013
Công ty TNHH Tổng hợp Phú Hoàng Thanh	Trên 3 năm	39.540.493	Trên 3 năm	39.540.493
Công ty Cổ phần GRB Việt Nam	Trên 3 năm	104.483.270	Trên 3 năm	104.483.270
Công ty Cổ phần Đầu tư VINAINCON	Trên 3 năm	195.550.000	Trên 3 năm	195.550.000
Công ty TNHH công nghệ và thương mại Minh Dũng	Từ 1 năm đến 2 năm	558.780.000	Từ 1 năm đến 2 năm	558.780.000
Công ty TNHH Sunviet	Từ 1 năm đến 2 năm	39.999.799	Từ 1 năm đến 2 năm	39.999.799
Hệ Kinh Doanh Lê Đăng Hoàng	Đã thu hồi	-	Đã thu hồi	-
Công ty TNHH Thương mại Minh Hiền	Trên 3 năm	78.775.390	Trên 3 năm	78.775.390
Cơ sở kinh doanh Nguyễn Văn Thảo	Trên 3 năm	59.691.098	Trên 3 năm	59.691.098
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>-</b>	<b>2.666.667.695</b>	<b>-</b>	<b>2.666.667.695</b>
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Khó có khả năng thu hồi	1.300.951.400	Khó có khả năng thu hồi	1.300.951.400
Công ty Cổ phần cơ điện lạnh Hoàn Kiếm	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000
Công ty Cổ phần Kiến trúc Văn Hóa Việt	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900
Công ty Cổ phần công nghệ nhiệt lạnh Bách Khoa	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000
Công ty Cổ phần Thiết Bị Tự Động Hóa Vitech	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tô dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thảng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn thu hồi	Giá gốc	Thời gian quá hạn thu hồi	Giá gốc
Guangdong Sky bright Group Co.,ltd	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887
Kelon International Inc	Khó có khả năng thu hồi	96.799.409	Khó có khả năng thu hồi	96.799.409
Công ty Cổ phần VIETPICTURES AUTO	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	17.230.400	Từ 6 tháng đến 1 năm	17.230.400
<b>Cộng</b>		<b>4.866.070.853</b>		<b>4.866.070.853</b>

